

Số: 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 3 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 VÀ NHIỆM KỲ 2019-2024
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG
VINACONEX

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội khóa 13 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội khóa 11 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006; Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển năng lượng VINACONEX được các cổ đông thông qua ngày 16/09/2011 và được sửa đổi bổ sung lần thứ năm ngày 08/11/2018;
- Căn cứ Biên bản họp số 01/2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 16/3/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2019 của Công ty theo Báo cáo số 36/2019/BC-TGD ngày 01/3/2019 của Ban Tổng giám đốc, với các nội dung chính như sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018:

a) Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018:

Bảng chỉ tiêu kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018

T T	Nội dung	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Tỉ lệ HT/KH 2018 (%)
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	131,67
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	116,73
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	165,34
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351	172,93
5	Lợi nhuận sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	164,89
6	Tỷ lệ cổ tức	22%	35%	159,09
7	Nộp NSNN	73.184.003.829	141.466.583.220	193,30

b) **Công tác đầu tư:**

- * **Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty CP thủy điện Bái Thượng:** Sản lượng phát điện năm 2018 đạt 27,570 triệu Kwh bằng 100,5% so với kế hoạch năm, tổng doanh thu và thu nhập đạt 31,350 tỷ đồng bằng 102,2% so với kế hoạch năm, Lợi nhuận sau thuế đạt 5,064 tỷ đồng bằng 110,72% kế hoạch năm.
- * **Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư dự án thủy điện Xuân Minh:** Công trình thủy điện Xuân Minh đã tổ chức lễ khánh thành vào ngày 22/09/2018 và vận hành toàn bộ 2 tổ máy hòa lưới điện quốc gia từ tháng 10/2018 sau 24 tháng thi công, vượt tiến độ 06 tháng so với kế hoạch đề ra. Hai tổ máy vận hành tương đối ổn định. Sản lượng phát điện năm 2018 (từ 29/09/2018 đến 31/12/2018) đạt 12,768 triệu Kwh, doanh thu đạt 16,533 tỷ đồng.

1.2. **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:**

Bảng chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

T T	Nội dung	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	Tỷ lệ KH 2019/TH 2018 (%)
1	Doanh thu và thu nhập	500.152.856.000	658.577.768.207	610.203.580.820	92,65
2	Tổng chi phí	346.375.224.198	404.328.967.903	347.775.818.994	86,01
3	Lợi nhuận trước thuế	153.777.631.802	254.248.800.304	262.427.761.826	103,22
4	Thuế TNDN	8.531.946.256	14.754.210.351	14.676.180.436	99,47
5	LN sau thuế	145.245.685.546	239.494.589.953	247.751.581.389	103,45
6	Tỷ lệ cổ tức	22%	35%	30 - 35%	
7	Nộp NSNN	73.184.003.829	141.466.583.220	143.340.801.024	101,3

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động đầu tư của Công ty năm 2018 và dự kiến kế hoạch đầu tư năm 2019.

Điều 3: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư nhiệm kỳ 2014-2019 của Công ty theo Báo cáo của Ban điều hành ngày 01/3/2019, với các nội dung chính như sau:

3.1. **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2018**

Bảng chỉ tiêu kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh giai đoạn 2014-2018

TT	Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Tổng cộng
1	Tổng doanh thu và thu nhập	360.598.965.540	334.653.078.407	291.246.436.814	474.952.084.306	658.577.768.207	2.120.028.333.274
2	Tổng chi phí	225.095.103.963	217.395.100.597	214.012.741.491	331.102.579.908	404.328.967.903	1.391.934.493.862
3	Lợi nhuận sau thuế	128.720.132.459	111.077.854.732	72.369.143.584	135.897.640.593	239.494.589.953	687.559.361.321
4	Nộp NSNN	70.127.725.429	74.836.517.000	54.568.356.426	69.356.997.651	141.466.583.220	410.356.179.726
5	Vốn điều lệ	380.000.000.000	455.999.950.000	455.999.950.000	455.999.950.000	569.999.930.000	
6	Trả cổ tức bằng tiền	87.400.000.000	97.279.993.500	68.399.992.500	100.319.989.000	199.499.975.500	552.899.950.500
7	Tỷ lệ cổ tức	23%	23%	15%	22%	35%	118%

3.2. Công tác đầu tư phát triển:

- a) **Dự án thủy điện Bái Thượng:** do Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng làm chủ đầu tư (Trong đó, Công ty cổ phần Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ). Dự án với các thông số chi tiết như sau:
- Tổng mức đầu tư dự án: 171,7 tỷ đồng; Công suất lắp máy của dự án là 6MW với 02 tổ máy; Sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 25 triệu Kwh.
 - Công trình Thủy điện Bái Thượng khởi công ngày 15/04/2015 và chính thức hòa lưới điện quốc gia vào tháng 12 năm 2016.
 - Kết quả vận hành của Nhà máy trong năm 2017 và 2018:
 - + Kết quả hoạt động năm 2017: đạt 17,688 triệu Kwh, doanh thu đạt 18,087 tỷ đồng bằng, Lợi nhuận sau thuế đạt 1,982 tỷ đồng.
 - + Kết quả hoạt động năm 2018 đạt 27,570 triệu Kwh, vượt thế kế 110,72%, doanh thu đạt 31,350 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt 5,064 tỷ đồng.
- b) **Dự án thủy điện Xuân Minh:** do Công ty cổ phần Thủy điện Xuân làm chủ đầu tư (Trong đó, Công ty cổ phần Vinaconex P&C chiếm 51% vốn điều lệ), Công ty cổ phần Vinaconex P&C làm Tổng thầu phần xây lắp. Dự án với các thông số chi tiết như sau:
- Tổng mức đầu tư dự án 517,647 tỷ đồng; Công suất lắp máy của dự án là 15MW với 02 tổ máy; Sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 66 triệu Kwh.
 - Công trình Thủy điện Xuân Minh khởi công ngày 08/09/2016 đến ngày 22/9/2018 công trình chính thức khánh thành đưa vào sử dụng.
 - Kết quả vận hành của Nhà máy 3 tháng cuối năm 2018: Hai tổ máy vận hành ổn định. Sản lượng phát điện năm 2018 (từ 29/09/2018 đến 31/12/2018) đạt 12,768 triệu Kwh, doanh thu đạt 16,533 tỷ đồng.
- c) **Công tác đầu tư và chuẩn bị đầu tư các dự án khác:**
- c.1) **Dự án Khu dân cư tại MBQH số 05, thị trấn Thường Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa:**
Đã hoàn thành công tác đầu tư, đưa vào sử dụng và bàn giao 60 lô đất cho khách hàng vào tháng 6/2016
- c.2) **Dự án Thủy điện Xuân Khao:**
- Công ty đã được UBND tỉnh Thanh Hóa chấp thuận, cho phép nghiên cứu khảo sát tuyến sông Khao, huyện Thường Xuân để đầu tư nhà máy thủy điện Xuân Khao tại văn bản số 8439/UBND-CN ngày 02/08/2016 và được Bộ Công thương phê duyệt bổ sung Dự án vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tại Quyết định số 2021/QĐ-BCT ngày 06/06/2017; Ban cán sự Đảng, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Văn bản số 15/BCS-UBND Ngày 02/02/2018 và số 68/BCS – UBND ngày 31/5/2018 báo cáo Thường trực Tỉnh ủy về việc xin ý kiến chủ trương đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao của Công ty và được Bộ Tài nguyên Môi trường phê duyệt ĐTM ngày 12/9/2018. Hiện Công ty đang hoàn chỉnh các thủ tục đầu tư theo yêu cầu của Thường trực Tỉnh ủy Thanh Hóa để sớm được chấp thuận chủ trương. Sau khi có quyết định giao chủ đầu tư, Công ty sẽ triển khai các bước thực hiện Dự án theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- c.3) **Các dự án khác:**
Hiện Công ty tiếp tục nghiên cứu và thực hiện thủ tục đầu tư các dự án thủy điện Cửa Đạt mở rộng, nước sạch sinh hoạt, dự án năng lượng tái tạo và một số dự án bất động sản phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty và đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4: Thông qua phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 theo Báo cáo của Ban điều hành ngày 01/3/2019.

U

Bảng kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn từ 2019 đến 2023:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	
A	Tổng doanh thu và thu nhập	Đồng	610.203.580.820	654.438.370.650	828.124.420.750	1.036.226.829.440	1.318.881.534.390	
B	Tổng chi phí	Đồng	347.775.818.994	372.819.347.675	506.099.928.746	682.549.583.346	893.198.462.636	
C	Lợi nhuận (A-B)	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754	
1	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	262.427.761.826	281.619.022.975	322.024.492.004	353.677.246.094	425.683.071.754	
2	Thuế TNDN	Đồng	14.676.180.436	16.132.651.149	20.522.528.600	24.984.788.305	31.983.053.588	
3	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	247.751.581.389	265.486.371.827	301.501.963.404	328.692.457.789	393.700.018.166	
D	Tỷ suất LNST/VĐL	%	35,38%	39,62%	45,00%	33,89%	36,79%	
E	Tỷ lệ cổ tức	%	Trung bình cả nhiệm kỳ tỷ lệ cổ tức từ 30-35%/năm					

- Điều kiện để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trên:
- + Điều kiện thủy văn tốt nhất (trung tự như năm 2018);
- + Công ty được giao làm chủ đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao và là tổng thầu thi công dự án trong năm 2019;
- + Phương án tăng vốn để thực hiện kế hoạch như đề xuất của Ban điều hành.

Điều 5: Thông qua kế hoạch hoạt động đầu tư của Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 theo báo Báo cáo của Ban điều hành ngày 01/3/2019, trừ phương án tăng vốn điều lệ.

Bảng kế hoạch đầu tư và kế hoạch vốn giai đoạn từ 2019 đến 2023:

TT	Dự án	Công suất	Tổng mức đầu tư (Tỷ Đ)	Vốn điều lệ /Vốn tự có		Vốn góp của Vinaconex P&C		Nhu cầu vốn (Tỷ Đ)					Tổng cộng	
				Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	Tỷ lệ	Giá trị (Tỷ Đ)	2019	2020	2021	2022	2023		
1	Nhà máy Thủy điện Xuân Khao	7,5 MW	260	30%	78	51%	39,78	19,89	19,89					39,78
2	Nhà máy nước sạch	3.000 m ³ /ngđ	50	30%	15	51%	7,65	7,65						7,65
3	Nhà máy Cửa Đạt mở rộng	18 MW	450	30%	135	51%	68,85				68,85			68,85
4	Nhà máy điện gió (GĐ1)	30 MW	1.350	30%	405	51%	206,55				103,28	103,28		206,55
5	Nhà máy điện gió (GĐ2)	30 MW	1.350	30%	405	100%	405,00						202,50	405,00
6	Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, nhà ở		597	20%	119	100%	119,31	70,00			49,31			119,31
	Cộng		3.460		1.038		847,14	97,54	19,89	152,59	172,13	202,50		847,14

Điều 6: Thông qua công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018, nhiệm kỳ 2014-2019 của Hội đồng quản trị theo Báo cáo số 35/2019/BC-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị.

Điều 7: Thông qua định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh cho nhiệm kỳ 2019-2024 của Hội đồng quản trị theo Báo cáo số 35/2019/BC-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị.

Điều 8: Thông qua định hướng hoạt động đầu tư của Hội đồng quản trị cho nhiệm kỳ 2019-2024 theo Báo cáo số 35/2019/BC-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị, trừ phương án tăng vốn điều lệ.

Điều 9: Thông qua kết quả hoạt động năm 2018, tổng kết nhiệm kỳ 2014-2019 của Ban kiểm soát theo Báo cáo số 32A/2019/BC-BKS ngày 01/3/2019 của Ban kiểm soát.

Điều 10: Thống nhất lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán: KPMG, Deloitte, EY để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex.

Điều 11: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Điều 12: Thông qua việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2018 và phương án khen thưởng khi thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

12.1. Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2018 là: **239.494.589.953 đồng.**
- + Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2018 theo Nghị quyết và Biên bản Đại hội đồng cổ đông ngày 22/3/2018 là: **1.275.000.000 đồng.**
- + Đã chi thưởng cho các tổ chức, cá nhân Quản lý điều hành hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 22/03/2018 số tiền là: **16.671.095.000 đồng.**
- Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức và phân phối các quỹ: **221.548.494.953 đồng.** Trong đó:
 - + Chia cổ tức năm 2018 là 35% bằng tiền mặt tương đương với **3.500 đồng/CP** (35% vốn ĐL 569,99993 tỷ đồng), tổng số: **199.499.975.500 đồng** (Chiếm 90% lợi nhuận còn lại để chia cổ tức và phân phối các quỹ), trong đó số đã tạm ứng là 15%, tương đương số tiền **85.499.989.500 đồng**, số còn lại 20% tương đương số tiền: **113.999.986.000 đồng**,
 - + Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định với tỷ lệ tối đa bằng 3% Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm 2018.
 - + Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: **0 đồng**

12.2. Khen thưởng khi thực hiện hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định tỷ lệ và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt.

Điều 13: Thông qua kết quả thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019 như sau:

13.1. Kết quả thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018:

STT	Nội dung	Số thành viên	Đã thực hiện chi trả năm 2018		Cộng
			Chi phí hoạt động	Lợi nhuận sau thuế	
1	Hội đồng quản trị	07	420.000.000	855.000.000	1.275.000.000
2	Ban Kiểm soát	04	120.000.000	420.000.000	540.000.000
	Cộng	11	540.000.000	1.275.000.000	1.815.000.000

79
IG
PH
XÂY
ĐẾN
SAC
ĐA

U

13.2. Phương án trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2019, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thù lao/người/tháng
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	50.000.000
2	Thành viên Hội đồng quản trị	35.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	35.000.000
4	Thành viên Ban Kiểm soát	15.000.000

Điều 14: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Tờ trình số 11/2019/TTr-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị.

Điều 15: Thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo Tờ trình số 12/2019/TTr-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị.

Điều 16: Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Tờ trình số 13/2019/TTr-HĐQT ngày 01/3/2019 của Hội đồng quản trị, với các nội dung chính như sau:

16.1. Kết quả phát hành cổ phiếu:

- Thời gian thực hiện công tác chào bán cho cổ đông hiện hữu và chào bán cho CBCNV theo chương trình ưu đãi cho CBCNV (ESOP): Từ ngày 23/07/2018 đến ngày 05/09/2018.
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 11.399.998 cổ phiếu, đạt 100% tổng số cổ phiếu được phép phát hành. Trong đó:
 - + Phần phát hành cho cổ đông hiện hữu: 9.114.999 cổ phiếu
 - + Phần phát hành cho CBCNV (ESOP): 2.284.999 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu từ việc bán cổ phiếu: 120.157.755.148 đồng
- Tổng chi phí công tác phát hành tăng vốn: 217.600.000 đồng
- Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 119.940.155.148 đồng
- Hoàn thành công tác lưu ký cổ phiếu phát hành thêm và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào tháng 10/2018.

16.2. Tình hình sử dụng vốn góp:

TT	Nhu cầu sử dụng vốn	Số vốn thu được (VNĐ)	Tình hình sử dụng
1	Tắt toán khoản vay đã dùng để bổ sung vốn góp còn thiếu vào Dự án Thủy điện Xuân Minh	24.000.000.000	Đã thực hiện
2	Bổ sung vốn lưu động	66.157.755.148	Đã thực hiện
3	Đầu tư Dự án Thủy điện Xuân Khao	30.000.000.000	Đang gửi số tiết kiệm tiền gửi chờ góp vốn khi Dự án được cấp phép đầu tư
	Tổng cộng	120.157.755.148	

Điều 17: Thông qua số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 05 thành viên, số lượng thành viên Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 gồm 03 thành viên. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024, cụ thể như sau:

17.1. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 (xếp theo số quyền bầu từ cao xuống thấp)

1. Ông Vũ Ngọc Tú
2. Ông Phạm Bảo Long
3. Ông Vương Hoàng Minh
4. Ông Dương Văn Mậu
5. Ông Nguyễn Hữu Tới

17.2. Thành viên Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2019-2024 (xếp theo số quyền bầu từ cao xuống thấp)

1. Bà Nghiêm Quỳnh Chi
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang
3. Ông Trịnh Nguyên Khánh

Điều 18: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 16/03/2019.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát Công ty tổ chức triển khai thực hiện các nội dung đã thông qua tại Đại hội trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của các cổ đông, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và nhiệm kỳ 2019-2024 ngày 16/03/2019 của Công ty thông qua toàn văn tại cuộc họp với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là 100% ./

Nơi nhận:

- Các TV HĐQT, Ban TGD, Ban KS (để t/h);
- Các Ban chức năng của Cty (để t/h);
- Ban TCHC (để công bố t/t);
- Website Vinaconex P&C (thay cho thông báo);
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Wang Hoàng Minh

